TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 19 - 01 - 2018
V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXX- ST ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H. Sinh năm: 1971

Trú tại: Tổ 119, phường G, quận N, TP. Đà Nẵng - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Công T. Sinh năm: 1967

Trú tại: Tổ 119, phường G, quận N, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2017, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Công T kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại tổ 119, phường G, quận N, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T say xỉn gây sự chửi bới và đánh đập vợ con. Hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Công T.

- Về quan hệ con chung: Bà xác nhận, bà và ông T có 03 người con chung, tên Phạm Thị H1, sinh ngày 24/9/1994, Phạm Công D, sinh ngày 16/12/1997 và Phạm Công N1, sinh ngày 18/7/2011. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con Phạm Công N1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đối với hai con Phạm Thị H1 và Phạm Công D hiện nay đã hơn 18 tuổi phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn ông Phạm Công T đã được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Phạm Công T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Công T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Công T.

Về con chung: Giao con Phạm Công N1, sinh ngày 18/7/2011 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Công T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị H nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Công T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Lê Thị H và ông Phạm Công T kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau thì đến năm 2000, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 5/2017 bà H đã làm đơn xin ly hôn ông Tuấn. Ngày 09/8/2017 Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 98/2017/QĐST- HNGĐ.

Ngày 06/9/2017 bà Lê Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Phạm Công T.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2000 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau, bà H cho rằng tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường hay say xỉn gây sự chửi bới và đánh đập vợ con.

Tại phiên tòa, bà H cương quyết xin được ly hôn ông T, còn ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy bà Lê Thị H và ông Phạm Công T từ Quảng Bình chuyển vào sinh sống tại địa phương khoảng được 03 năm. Đến khoảng giữa năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xảy ra xung đột mâu thuẫn cải vả nhau nhiều lần nên bà H đã dẫn con trai nhỏ sống riêng với chồng từ tháng 8/2017 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị H và ông Phạm Công T thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Phạm Công T để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng bà H và ông T có 03 người con chung, tên Phạm Thị H1, sinh ngày 24/9/1994, Phạm Công D, sinh ngày 16/12/1997 và Phạm Công N1, sinh ngày 18/7/2011. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con Phạm Công N1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu N1 hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Phạm Công N1 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà H về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Riêng hai con Phạm Thị H1 và Phạm Công D hiện nay đã hơn 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị H phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Phạm Công T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Công T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Công T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Công N1, sinh ngày 18/7/2011 cho bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20/01/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004437 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Phạm Công T phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm